

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2021/DS-PT
Ngày: 02-4-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Tiến Phương.

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TLPT- DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐ-PT ngày 03/02/2021, Công văn tạm dừng phiên tòa xét xử phúc thẩm số 157/2021/CV-TA ngày 19/02/2021, Thông báo số 27/2021/TB-TA ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quàng Văn K; địa chỉ: Bản P, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quàng Văn K: Văn phòng luật sư T; địa chỉ trụ sở: đường L, tổ X, phường C1, thành phố S1, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức T1; địa chỉ: đường L, tổ X, phường C1, thành phố S1, tỉnh Sơn La.

Người nhận ủy quyền lại của ông Vũ Đức T1: Ông Đinh Bá N; địa chỉ: Tiểu Khu B, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A ; địa chỉ: tổ dân phố V, phường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Đ1 - Giám đốc Doanh nghiệp.
Nơi ở hiện nay: thôn H, xã A1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Văn T3; địa chỉ: phường C1, thành phố S1, tỉnh Sơn La (Khu dân cư bên xe T4, thành phố S1).

4. Người kháng cáo: Ông Võ Văn Đ1 - Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A.

(Ông Đ1 xin xét xử vắng mặt, ông K có mặt tại phiên tòa; ông N và ông T3 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2016, ông Quảng Văn K; địa chỉ: Bản P, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La ký kết hợp đồng kinh tế về việc thuê thiết bị phục vụ thi công với Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A, người đại diện là ông Võ Văn Đ1, chức vụ: Giám đốc với nội dung: ông K đồng ý và Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A chấp thuận thuê một số máy móc, thiết bị phục vụ thi công như sau: 02 máy xúc xích, 04 xe ô tô, phục vụ thi công công trình đường giao thông gói thầu số 11, đoạn km 0-0.00 đến km 4+580 (M1- C) huyện S, tỉnh Sơn La...

Sau khi ký kết hợp đồng, ông K được ông Vũ Văn T3 trực tiếp giao thực hiện các công việc trên công trình bắt đầu từ ngày 10/7/2016 (ông T3 là người được Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A giao cho việc tổng hợp trong việc xác nhận khối lượng công việc, thời gian làm việc và giá trị thanh toán để Doanh nghiệp làm căn cứ thanh toán).

Thực hiện hợp đồng đến ngày 16/01/2017 thì ông K chấm dứt hợp đồng với doanh nghiệp; lý do ông K chấm dứt hợp đồng là do Doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ thực hiện thanh toán tiền theo hợp đồng.

Tính từ ngày 10/7/2016 đến ngày 16/01/2017, hai bên đã thực hiện hợp đồng trên thực tế bằng các công việc đã được thực hiện và giá trị đã được cán bộ kỹ thuật của Doanh nghiệp là ông Vũ Văn T3 tổng hợp, xác nhận khối lượng công việc, thời gian làm việc và giá trị thanh toán để Doanh nghiệp làm căn cứ thanh toán cho ông K với tổng số tiền là 227.879.000 đồng; Doanh nghiệp đã thanh toán cho ông K số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại ông K số tiền 127.879.000 đồng (Có xác nhận của ông Vũ Văn T3 theo sổ theo dõi công việc của ông Quảng Văn K).

Từ khi chấm dứt hợp đồng (ngày 16/01/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 tháng 19 ngày, Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A không thực hiện việc thanh toán số tiền còn lại cho ông K, mặc dù ông K đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía Doanh nghiệp vẫn cố tình trốn tránh và không thực hiện cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Vì vậy, ông Kiêm yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A có nghĩa vụ trả cho ông Quảng Văn K số tiền gốc là 127.879.000 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 16/01/2017 đến ngày 05/8/2020 là: 45.234.638đ (trong đó: Lãi tháng: $127.879.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% / \text{tháng} \times 42 \text{ tháng} = 44.578.619 \text{ đồng}$; Lãi ngày: $127.879.000 \text{ đồng} \times 0,027 \% / \text{ngày} \times 19 \text{ ngày} = 656.019 \text{ đồng}$). Tổng số tiền Doanh nghiệp phải trả cho ông Kiêm là 173.113.638 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu, một trăm mười ba nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng); Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn: Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A có trụ sở tại phường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do Doanh nghiệp không có người thường trực, ông Võ Văn Đ1 không thường xuyên có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên ông Đức vẫn vắng mặt không đến Tòa án, không có văn bản trả lời hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án - ông Vũ Văn T3:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Vũ Văn T3 đến phiên tòa nhưng ông T3 vắng mặt không có lý do và không có văn bản trả lời hoặc yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuy nhiên, phía nguyên đơn cung cấp Bản tự khai của ông T3 tại Tòa án nhân dân thành phố S1, tỉnh Sơn La ngày 15/5/2019 với nội dung:

Ông Vũ Văn T3 và ông Quảng Văn K không có quan hệ gì, ông T3 biết ông K khi ông K làm hợp đồng dịch vụ cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A tại huyện S, tỉnh Sơn La, nơi ông T3 công tác và làm việc. Ông T3 khẳng định: “Chữ ký mang tên Vũ Văn T3 tại phần tổng giá trị chốt trong Bảng chấm công máy xúc gồm 04 trang do ông K giao nộp tại Tòa án nhân dân thành phố S1 là chữ ký của ông T3; lý do ông T3 ký tên vào bảng chấm công là vì ông là người được Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A phân công công việc tổng hợp cho Doanh nghiệp trong việc xác nhận khối lượng công việc, thời gian làm việc và giá trị thanh toán để Doanh nghiệp làm căn cứ thanh toán với ông K. Ông T3 không có quyền và nghĩa vụ thanh toán tiền công cho ông K. Việc xác nhận khối lượng làm việc và chốt giá trị tiền công thanh toán tại tài liệu do ông K cung cấp là có thật và ông T3 khẳng định giữa ông K và Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A có lập hợp đồng với nhau về việc thuê máy móc, thiết bị để thi công công trình. Ông T3 làm công việc tổng hợp và báo cáo Ban giám đốc Doanh nghiệp trên cơ sở số liệu cán bộ hiện trường chấm công cho ông K để xem xét thanh toán; ông T3 không có trách nhiệm thanh toán cho ông K, số nợ tại đơn khởi kiện của ông K không phải là nợ cá nhân của ông T3.

Đến thời điểm ngày 16/01/2017, Doanh nghiệp đã thanh toán cho ông K số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; đến tháng 5/2019 Doanh nghiệp đã

thanh toán cho ông K hay chưa, ông T3 không biết. Ông T3 yêu cầu ông K liên hệ với Doanh nghiệp để thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1, 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, 429, 513, 514, 515, 518, 519 và 520 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Văn Phòng luật sư T là người đại diện theo ủy quyền của ông Quảng Văn K.

Buộc Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A có nghĩa vụ trả cho ông Quảng Văn K số tiền gốc và số tiền lãi là 173.113.638 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng). Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành như án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.655.681 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi một đồng).

2.2. Ông Quảng Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.204.000 đồng (Bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2010/08199 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2020, ông Võ Văn Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ với nội dung: Ông Võ Văn Đ1 không được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Đ nên không biết về việc ông Quảng Văn K khởi kiện đòi nợ doanh nghiệp; ông Đ1 không được tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi của mình; việc Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông; ngoài ra, ông Đ1 cho rằng Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A không ký hợp đồng lao động với

ông Vũ Văn T3 nên các chứng cứ ông T3 cung cấp là không đúng. Vì các lý do trên, ông Đ1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ; Đơn kháng cáo thuộc trường hợp kháng cáo quá hạn.

Quá trình xét kháng cáo quá hạn, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ; trên cơ sở các tài liệu thu thập được, Tòa án tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn số 01/2020/QĐ-PT ngày 26/10/2020 đối với đơn kháng cáo của ông Đ1.

Ngày 27/10/2020, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm (BL126) với nội dung sửa chữa:

“1. Tuyên xử: Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn K.”

Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, ông Đ1 đã có đơn trình bày vì lý do sức khỏe không đảm bảo nên ông Đ1 không thể có mặt tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ1 xin được vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đinh Bá N là người đại diện theo ủy quyền của ông K vắng mặt. Tuy nhiên, ông K đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử phúc thẩm, ông K sẽ trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Quá trình xét xử, ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đánh giá:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo quá hạn của ông Đ1 được Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chấp nhận nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Xét nội dung kháng cáo thấy rằng: Đơn khởi kiện do luật sư Vũ Đức T1 ký và đóng dấu của Văn phòng Luật sư T, xét về hình thức đơn khởi kiện là không đúng, vi phạm điểm a khoản 2 Điều 189 BLTTDS. Tòa sơ thẩm xác định Văn phòng luật sư T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/4/2019 là không chính xác, vi phạm quy định tại các Điều 71, 73, 186 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức T1 và thụ lý vụ án là sai, vi phạm các điều 146, 193, 195 BLTTDS. Tòa án cấp sơ thẩm cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự chưa đảm bảo, vi phạm các Điều 177, 178, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền được nhận văn bản tố tụng và tham gia tố tụng của đương sự.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung và khắc phục được.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Đ1, áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310/BLTTDS: hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, chuyển sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]Việc xác định tư cách đương sự trong vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm

[1.1] Căn cứ nội dung Hợp đồng ủy quyền giữa ông Quàng Văn K với Văn phòng luật sư T (BL 27) thấy rằng:

Ngày 25/4/2019, ông Quàng Văn K ủy quyền cho Văn phòng Luật sư T được toàn quyền khởi kiện buộc ông Vũ Văn T3 (địa chỉ: đường L, tổ X, phường C1, thành phố S1, tỉnh Sơn La) phải trả số tiền 127.879.000đồng. Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố S1 thụ lý ngày 15/5/2019, đến ngày 22/11/2019 thì ban hành Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự.

Ngày 06/01/2020, ông Quàng Văn K khởi kiện Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A tại Tòa án nhân dân thành phố Đ. Tuy nhiên, TAND cấp sơ thẩm lại chấp nhận nội dung của Hợp đồng ủy quyền ngày 25/4/2019 để thụ lý đơn khởi kiện của Văn phòng Luật sư T do ông Vũ Đức T1 Trưởng Văn phòng ký đơn khởi kiện.

Việc thụ lý đơn khởi kiện và xác định tư cách Văn phòng Luật sư T là đại diện ủy quyền của nguyên đơn Quàng Văn K tham gia tố tụng trong vụ án khởi kiện Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A là không chính xác, vi phạm quy định tại các Điều 71, 73, 186/Bộ luật tố tụng dân sự (vì ông Quàng Văn K chưa thực hiện việc ủy quyền cho Văn phòng Luật sư T trong vụ án tranh chấp với Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A và Hợp đồng ủy quyền 25/4/2019 không có giá trị áp dụng trong vụ án này).

[1.2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa ông Vũ Văn T3 vào tham gia tố tụng (BL 41, 50); ngày 11/5/2019 khi xác định ông T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì Tòa án không Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, không tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T3 theo quy định; vì vậy ông T3 không có văn bản ghi ý kiến với thông báo thụ lý, ông T3 vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử.

[2] Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu do Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên thu thập, xác minh trong quá trình xét đơn kháng cáo quá hạn của ông Võ Văn Đ1 thấy:

Khi thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại 04 địa điểm khác nhau như đã nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Đ chỉ lập 01 Biên bản niêm yết chung trong một khoảng thời gian rất ngắn (từ 10 phút đến 20 phút) là không đảm bảo tính khách quan của việc niêm yết.

Trước khi niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án sơ thẩm không thực hiện việc xác minh sự vắng mặt của ông Võ Văn Đ1 tại nơi cư trú và tại nơi có trụ sở của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A.

Tại các Biên bản niêm yết ghi “dán công khai văn bản tố tụng tại Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A: tổ dân phố V, phường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên”, biên bản có chữ ký của Tổ trưởng tổ dân phố V, phường T2, thành phố Đ. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 21/10/2020, ông Nguyễn Văn K1 - Tổ trưởng tổ dân phố V, phường T2 cung cấp: Ông không được giao phối hợp và không thực hiện việc niêm yết (dán công khai) các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Đ tại trụ sở Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A: tổ dân phố V, phường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; việc ông ký tên vào biên bản niêm yết là có thật, nhưng để hoàn tất các thủ tục cho Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 21/10/2020, ông Lê Đức T5 - Giám đốc Công ty Y cung cấp: Công ty của ông Lê Đức T5 có trụ sở liền kề với trụ sở của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A, 2 doanh nghiệp cùng đi chung một cổng. Ông T5 và công ty vẫn thường xuyên làm việc cạnh tổ dân phố V, phường T2. Do Doanh nghiệp A không còn hoạt động và không có người trực nên ông T5 vẫn thường nhận giúp ông Đ1 các văn bản gửi đến, tuy nhiên, từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2020 ông T5 không thấy có văn bản tố tụng nào của Tòa án nhân dân thành phố Đ được dán tại cổng hoặc dán tại trụ sở của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng A.

Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã vi phạm thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự quy định tại các Điều 177, 178, 179/ Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Những vi phạm này, Tòa án cấp phúc thẩm không thể sửa chữa, bổ sung được. Do đó, cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của TAND thành phố Đ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo của ông Đ1 đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và ý

kiến của đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa về việc hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy, hồ sơ vụ án được chuyển cho TAND thành phố Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ1 được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Do đó, ông Đ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho ông Đ1 theo biên lai số AA/2020/0000376 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310/BLTTDS; khoản 3 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Võ Văn Đ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) cho ông Võ Văn Đ1 theo biên lai số AA/2020/0000376 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 02/4/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Ông Đinh Bá N;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hằng